TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2021/QĐST-HNGĐ,	*Trần Đề,ngày 20 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 318/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Liêu Thị Sà Q; Sinh năm: 1988. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Trà Côl Th; Sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp Ch, xã T, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Liêu Thị Sà Q và ông Trà Côl Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Bà Liêu Thị Sà Q và ông Trà Côl Th đều thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Liêu Thị Sà Q và ông Trà Côl Th theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, Ủy ban nhân dân xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/02/2010 chấm dứt kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2.2 Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Q và ông Th có hai người con chung tên là Trà Bích H, sinh ngày 15/03/2011 và bà Trà Phương Tr, sinh ngày 18/7/2015.

Bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trà Bích H, sinh ngày 15/03/2011 và bà Trà Phương Tr, sinh ngày 18/7/2015 cho đến khi cháu H và cháu Tr thành niên. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông Th, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Hai đương sự không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Liêu Thị Sà Q thống nhất nộp toàn bộ án phí hôn nhân là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), nhưng bà Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005821 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho bà Liêu Thị Sà Q số tiền thừa là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Ông Trà Côl Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Tài Văn;
- P. KTNV&THA (TAND tỉnh Sóc Trăng);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Mỹ Xuyên